

Bản án số: 275/2017/HNGĐ - ST.

Ngày: 14/8/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm.

Ông Nguyễn Văn Hôn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 143/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L - Sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp SC, xã SĐ, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Số điện thoại: 01259238139 (có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ - Sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp SC, xã SĐ, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Số điện thoại: 01658322756 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2017, bản tự khai ngày 18 tháng 7 năm 2017, buổi hòa giải ngày 18 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Đặng Thị L trình bày:

Vào năm 1993, bà L và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống hạnh phúc được hơn hai mươi ba năm đến đầu tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ ghen nên kiếm chuyện cự cãi và đánh bà nhiều lần. Bà và ông Đ đã sống ly thân, bà L về sống chung với chị ruột. Bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nữa do bà bị hành hạ về cả tinh thần và thể xác nên nay bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có hai người con chung là Huỳnh Minh L, sinh ngày: 13/11/2008 và Huỳnh Văn T sinh năm 1997, T đã trưởng thành có khả năng lao động, L hiện sống chung với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Huỳnh Minh L và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà L khai không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2017, buổi hòa giải ngày 17 tháng 11 năm 2013, và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Vào năm 1993 ông và bà L tiến đến hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nhưng hiện tại ông không còn giữ giấy chứng nhận kết hôn nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông và bà L chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông ghen bà L có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài (tuy nhiên ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc này) và ông có đánh bà L nên bà mới cùng con bỏ về nhà chị ruột của bà L sinh sống. Từ khi ly thân cho đến nay, ông có đến gặp bà L trao đổi với nhau nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà L cương quyết ly hôn nên không đồng ý hàn gắn. Ông không đồng ý ly hôn với bà L do ông còn thương vợ con.

Về con chung: Ông và bà L có hai người con chung là Huỳnh Minh L, sinh ngày: 13/11/2008 và Huỳnh Văn T sinh năm 1997, T đã trưởng thành có khả năng lao động, L hiện sống chung với bà L. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi người con chung là Huỳnh Minh L, ông không cấp dưỡng nuôi con. Người con lớn là Huỳnh Văn T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì đối với người con này.

Về tài sản chung: ông Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Đ khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đây là vụ kiện : “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là loại việc được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự . Do ông Huỳnh Văn Đ có nơi cư trú tại ấp SC, xã SĐ, huyện CL, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nay bà L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Tại bản tự khai của bà L, biên bản hòa giải, các xác nhận UBND xã SĐ và UBND xã VB ngày 04/5/2017 đều xác nhận bà L và ông Đ không có đăng ký kết hôn với nhau.

Ông Đ trình bày ông và bà L có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng còn thương vợ thương con tuy nhiên bà L cương quyết yêu cầu ly hôn, ông bà đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay mà không thể hàn gắn được nên căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử không công nhận bà L và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Ông Đ đồng ý để bà L được quyền trực tiếp nuôi người con nhỏ là Huỳnh Minh L, bản thân L cũng có nguyện vọng được sống với bà L nên giao người con là Huỳnh Minh L cho bà L trực tiếp nuôi là phù hợp, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con lớn là Huỳnh Văn T đã trưởng thành bà L và ông Đ không có yêu cầu gì đối với người con này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông Đ thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; các điều 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị L và ông Huỳnh Văn Đ.

2/ Về con chung: Bà Đặng Thị L được quyền nuôi con chung là: Huỳnh Minh L, sinh ngày: 13/11/2008 (hiện tại người con này đang sống chung với bà L). Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này, vì lợi ích của con chung sau này, bà L, ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với người con chung là Huỳnh Văn T, sinh năm 1997, đã trưởng thành có khả năng lao động, bà L và ông Đ không có yêu cầu gì đối với người con này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông Đ thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Đặng Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023496 ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị L và ông Huỳnh Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã VB, UBND xã SD;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Văn Phận